

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 752/2024/DS-ST

Ngày: 25-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng

tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

– **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Thị Dòn
- Bà Nguyễn Thị Nguyên

– **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Phước – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

– **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Thuận – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 446/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 729/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 608/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần K

Địa chỉ trụ sở chính: Số 40-42-44 đường Phạm Hồng Thái, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Mai Thành T, sinh năm 1975 – Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ và Tài chính vi mô – Là người đại diện theo ủy quyền.

(Văn bản ủy quyền số 1618/QĐ-NHKL ngày 17/6/2024)

(Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. **Bị đơn:** Ông Lương Hữu P, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Số 2/25A ấp X, xã Y, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2024 và trong quá trình giải quyết, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Mai Thành T trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần K (sau đây gọi tắt là ngân hàng K) có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 20017087000420 ngày 07/9/2019 với ông Lương Hữu P; với hạn mức sử dụng thẻ là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), lãi suất theo từng thời kỳ; thời hạn là 36 tháng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, ông P đã vi phạm hợp đồng; ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở nhưng ông P không thực hiện đúng cam kết. Tính đến ngày 25/9/2024, ông P còn nợ số tiền gồm:

+ Số tiền gốc: 45.131.716 đồng (Bốn mươi lăm triệu một trăm ba mươi một nghìn bảy trăm mười sáu đồng).

+ Số tiền lãi phát sinh: 47.410.078 đồng (Bốn mươi bảy triệu bốn trăm mười nghìn không trăm bảy mươi tám đồng).

+ Phí phạt chậm trả: 29.476.521 đồng (Hai mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi một đồng).

+ Phí phạt vượt hạn mức: 16.499.206 đồng (Mười sáu triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn hai trăm lẻ sáu đồng).

Tổng cộng: 138.517.521 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu năm trăm mười bảy nghìn năm trăm hai mươi một đồng).

Nay ngân hàng K yêu cầu ông P có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 25/9/2024 là 138.517.521 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu năm trăm mười bảy nghìn năm trăm hai mươi một đồng). Ông P còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà các bên đã ký cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ nêu trên cho ngân hàng.

Đối với bị đơn ông Lương Hữu P: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định; nhưng ông P vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

– Về tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án và đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

– Về nội dung: Căn cứ vào đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thì xét thấy nguyên đơn ngân hàng Thương mại Cổ phần K và bị đơn ông Lương Hữu P có ký với nhau hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng; do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thương mại Cổ phần K khởi kiện yêu cầu ông Lương Hữu P trả khoản nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký giữa các bên; bị đơn cư trú tại xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn ông Lương Hữu P vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Mai Thành T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 20017087000420 ngày 07/9/2019 thì ông Lương Hữu P có sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng K với hạn mức được cấp là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Nội dung hợp đồng thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của các bên và không trái pháp luật nên có hiệu lực; phù hợp với các quy định tại Điều 117, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

[3.2] Trong quá trình sử dụng thẻ, bị đơn ông P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên đã ký. Tính đến ngày 25/9/2024, ông P còn nợ ngân hàng K cụ thể như sau:

+ Số tiền gốc: 45.131.716 đồng (Bốn mươi lăm triệu một trăm ba mươi một nghìn bảy trăm mười sáu đồng).

+ Số tiền lãi phát sinh: 47.410.078 đồng (Bốn mươi bảy triệu bốn trăm mười nghìn không trăm bảy mươi tám đồng).

+ Phí phạt chậm trả: 29.476.521 đồng (Hai mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi một đồng).

+ Phí phạt vượt hạn mức: 16.499.206 đồng (Mười sáu triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn hai trăm lẻ sáu đồng).

Tổng cộng: 138.517.521 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu năm trăm mười bảy nghìn năm trăm hai mươi một đồng).

Ngân hàng K yêu cầu ông P thanh toán một lần toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh tính từ 26/9/2024, cho đến khi ông P thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký là phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 117; Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91; Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Ông Lương Hữu P có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền tạm tính đến ngày 25/9/2024 là 138.517.521 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu năm trăm mười bảy nghìn năm trăm hai mươi một đồng), bao gồm số tiền gốc là 45.131.716 đồng (Bốn mươi lăm triệu một trăm ba mươi một nghìn bảy trăm mười sáu đồng); tiền lãi phát sinh là 47.410.078 đồng (Bốn mươi bảy triệu bốn trăm mười nghìn không trăm bảy mươi tám đồng); phí phạt chậm trả là 29.476.521 đồng (Hai mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi một đồng) và phí phạt vượt hạn mức là 16.499.206 đồng (Mười sáu triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn hai trăm lẻ sáu đồng).

2. Kể từ ngày 26/9/2024, ông P còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp

đồng sử dụng thẻ tín dụng số 20017087000420 ngày 07/9/2019 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ nêu trên.

3. Về án phí: Ông Lương Hữu P chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.925.876 đồng (Sáu triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm bảy mươi sáu đồng).

Hoàn trả lại cho ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền 2.974.332 đồng (Hai triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn ba trăm ba mươi hai đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0033907 ngày 24/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

II. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Trần Tuấn Khương